TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT
Ngày 28-11-2018
V/v "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông K'Tiêng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Lê Quốc Hương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 08-10-2018 về *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"* do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST, ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2018/QĐ-PT, ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích L - có mặt.

Địa chỉ : Thôn 08, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.2 Bị đơn: Ông Ngô Đình T - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 08, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1 Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước H- Chức vụ: giám đốc chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.3.2 Ông Trần Cao Đ- vắng mặt.

1.3.3 Ông Liêu Say H - có mặt.

1.3.4 Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 08, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Trần Thị B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày:

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2014/HNGĐ-ST ngày 25-12-2014 của TAND huyện Đăk R'lấp đã tuyên xử: Bà Trần Thị Bích L và ông Ngô Đình T thỏa thuận tình ly hôn. Về con chung: giao cho bà Trần Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Trần Đan T, sinh ngày 14-8-1998 đến đủ 18 tuổi. Giao cho ông Ngô Đình T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 15-7-2000 đến khi đủ 18 tuổi.

Tại bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 01/2015/HNGĐ-PT ngày 12-5-2015 của TAND tỉnh Đăk Nông đã tuyên xử: giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung, tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung.

Tài sản chung gồm có:

- 01 lô đất rẫy, diện tích 29.936,6m^2, đã được cấp GCNQSD đất diện tích 18.454,5m^2; phần chưa được cấp GCNQSD đất là 11.485,1m^2, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp ông Hứa Viết N dài 288m, phía Nam giáp ông S dài 273m; phía Đông giáp suối dài 133m; Phía Tây giáp đường dài 118m; trên đất có 01 căn nhà khung cột gỗ xây dựng năm 2002 với diện tích 6,3mx 9,2m, nền láng xi măng, không trần, móng nền gạch, mái lợp tôn; 01 cái giếng đào thành xây gạch, đường kính 1,2mx 18,2m; có 2.500 cây cà phê; 350 cây điều, 50 cây mít, 700 cây tiêu.

Đối với thửa đất bà và ông T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và hoàn tất thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngày 03-02-2016. Bà yêu cầu chia lại tài sản chung, tính công sức đóng góp trên đất và cây cối, nhà cửa cho bà nhiều hơn vì từ năm 1999 đến năm 2006 ông T bỏ đi khỏi địa phương một mình bà tạo lập các tài sản trên đất và nuôi 07 đứa con.

- 01 căn nhà tạm khung gỗ xây dựng năm 2008, không móng, vách ván gỗ, nền láng xi măng, không trần, mái lợp tôn có diện tích 5x4,3m tại quốc lộ 14, thôn 8, xã N, huyện Đ. Căn nhà này xây dựng trên đất của ông Trần Cao Đ đã được giải quyết tại bản án số 63/2013/DSPT ngày 17-12-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Đến ngày 31-5-2016, bà L bổ sung đơn khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- giàn máy nước tưới cà phê (gồm ống nước và máy tưới)
- 01 bộ nồi nấu rượu.
- giàn máy xịt thuốc sâu (gồm có 03 cuộn dây)
- 01 bộ bàn ghế gỗ hương và 01 tủ quần áo gỗ hương.

Tòa bộ tài sản này ông T đang quản lý, sử dụng nên bà yêu cầu ông T trả cho bà 1/2 giá trị tài sản.

- Về nợ chung: Nợ NHNN&PTNT Việt Nam phòng giao dịch huyện Đ số tiền 35.000.000đ và lãi suất. Bà yêu cầu các con của bà phải có nghĩa vụ trả nợ vì bà nuôi các con tốn nhiều tiền và hiện nay đã trưởng thành có thu nhập.

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Đ số tiền 33.000.000đ, năm 2015 bà đã vay ngân hàng ĐT&PT Việt Nam phòng giao dịch N để trả số nợ này nên ông T phải trả lại cho bà số tiền 33.000.000đ.

Nợ ông Trần Cao Đ 200kg cà phê nhân xô; nợ ông Liêu Say H 02 tạ cà phê nhân xô. Yêu cầu ông T phải trả.

Nợ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H số tiền 17.526.000đ, bà và ông T có nghĩa vụ trả nợ.

Nợ bà Đặng Thị H số tiền 40.000.000đ (mua tạp hóa, phục vụ ăn uống, sinh hoạt hàng ngày trong gia đình).

Nợ ông Nguyễn Tiến Q 10.000.000đ

Nợ ông Phan Văn H 2.050.000đ

Nợ ông Đoàn Văn P 2.500.000đ

Đối với những khoản vay này ông T phải có nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L yêu cầu ông T trả cho bà 105.000.000đ tiền ông T nhận đền bù giải tỏa; 12 cây vàng ông T bán nhà ở Đăk Lăk năm 1995; ngôi nhà ông T và các con bà xây dựng năm 2014 là tiền của các con bà nên ông T phải chia cho bà 200.000.000đ (2/3 giá trị nhà) vì bà nuôi con từ lúc mới sinh cho đến nay, các con có nghĩa vụ trả cho bà số tiền này; ngoài ra có 04 chiếc xe mô tô ông T đã bán, bà không có yêu cầu gì về 04 chiếc xe này.

- Bị đơn ông Ngô Đình T trình bày: ông và bà L đã ly hôn, hai bên tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung theo văn bản thỏa thuận về việc xác nhận và phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 29-01-2016 nên ông không đồng ý chia lại. Sau khi chia tài sản chung, ông có quyền chặt cây để trồng lại và xây nhà mới.

Về tài sản như tủ quần áo, bàn ghế thì ông không đồng ý chia vì khi bà L sử dụng căn nhà ở Quốc lộ 14 trong nhà đã có đầy đủ vật dụng còn những tài sản này là dùng ở căn nhà trong rẫy trước đây ông sử dụng.

Đối với 01 máy tưới nước hiệu Đông Phong đã hỏng nên không còn để chia; 04 cuộn dây tưới vẫn chôn ở dưới đất nếu chia thì mỗi người 02 cuộn; 01 máy xịt thuốc sâu ông mua sau khi ly thân nên không phải của bà L; 02 cuộn dây nhựa ống mềm mua năm 2008 nếu chia thì mỗi người 01 cuộn; 01 giếng đào hiện nay ông và bà L vẫn dùng chung; 01 bộ nồi nấu rượu em gái ông T cho mượn tiền để mua, ông chưa trả số tiền mua nồi nấu rượi cho em gái nên không đồng ý chia cho bà L.

- **Về các khoản nợ**: ông T chỉ chấp nhận nợ chung gồm:

Nợ ông H 02 tạ cà phê; nợ ông Đ 02 tạ cà phê nhân xô; nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đ. Ông đồng ý chia đôi các khoản nợ chung này. Còn những khoản nợ khác ông không chấp nhận trả nợ vì bà L vay ông không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liêu Say H trình bày: bà L và ông T có vay của ông 02 tạ cà phê nhân xô năm 2004, khi vay cả hai cùng ký vào giấy vay nhưng ông đã làm mất giấy này. Đến cuối năm 2015, ông T viết lại giấy vay cho ông và chỉ có 01 mình ông T ký vì bà L lúc đó không có nhà. Nay ông yêu cầu ông T, bà L trả cho ông 02 tạ cà phê nhân xô, không yêu cầu về lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H trình bày: từ cuối năm 2011 đến tháng 10-2014 bà L có đến mua thực phẩm (gạo, mắm, muối...) của ông bà với số tiền còn nợ là 17.526.000 đồng, thỉnh thoảng ông T có ra chở gạo. Do đó, yêu cầu ông T và bà L trả số tiền trên cho ông bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Cao Đ: ngày 06-8-2018, ông Đ có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T, bà L trả 02 tạ cà phê nhân xô.

Tại bản án HN&GĐ sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp đã quyết định:

Áp dụng Điều 238, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của BLTTDS; khoản 2 Điều 37 của Luật HN&GĐ năm 2014.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích L đối với ông Ngô Đình T.

1. Về tài sản chung:

1.1 Đối với quyền sử dụng đất: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Giao cho ông Ngô Đình T được sử dụng tổng diện tích là 15.024,1m^2 (phần đất đã được cấp GCNQSD đất là 7.880,4m^2, tạm giao cho ông T được sử dụng phần đất chưa được cấp GCNQSD đất là 7.143,7m^2) và sở hữu 01 căn nhà do ông T xây trên đất năm 2014 thuộc thửa đất 115, tờ bản đồ 12 tọa lạc tại thôn 8, xã N, huyện Đ. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp ông Hứa Viết N dài 288,6m, phía Nam giáp bà L 251m; phía Đông giáp suối dài 67m; Phía Tây giáp đường dài 59,05m.

Giao cho bà Trần Thị Bích L được quyền sử dụng diện tích đất là 14.915,3m^2 (phần đất đã được cấp GCNQSD đất là 10.574,0m^2, tạm giao cho bà Trần Thị Bích L phần đất chưa được cấp GCNQSD đất là 4.341,3m^2) tọa lạc tại thôn 8, xã N, huyện Đ và toàn bộ cây trồng gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ 12. Thửa đất có tứ cận:Phía Bắc giáp ông T dài 251m, phía Nam giáp

ông Đoàn Văn S dài 273,16m; phía Đông giáp suối dài 66,6m; Phía Tây giáp đường dài 59,05m.

1.2 Đối với nhà và các tài sản khác

Chia cho bà Trần Thị Bích L được sử dụng 01 căn nhà tạm khung gỗ, không móng, vách ván gỗ, nền láng xi măng, không trần lợp tôn có diện tích 5x4,3m, xây dựng năm 2008.

Chia cho ông Ngô Đình T các tài sản sau: 01 căn nhà khung cột gỗ, diện tích 6,3x9,2m, không trần, móng nền gạch, mái lợp tôn, nhà làm năm 2002; 01 giếng đào xây gạch; 01 chuồng heo diện tích 6,3x 6,2m; 01 bộ bàn ghế uống nước bằng gỗ hương; 01 tủ quần áo bằng gỗ hương; 01 máy tưới nước; 01 máy xịt thuốc sâu; 04 cuộn ống tưới; 02 cuộn ống mềm; 01 bộ nồi nấu rượu (tất cả những tài sản này ông T đang quản lý, sử dụng). Buộc ông Ngô Đình T phải thanh toán giá trị tài sản chung chênh lệch cho bà L là 35.363.547 đồng.

2. Về nợ chung:

2.1 Buộc ông Ngô Đình T và bà Trần Thị Bích L mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 91.386.212 đồng.

Ngòa ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ thanh toán nợ của ông T, bà L cho Ngân hàng NN&PTNT huyện Đ, trường hợp không thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ

2.2 Buộc ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L mỗi người phải trả cho ông Liêu Say H 01 tạ cà phê nhân.

2.3 Buộc ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L mỗi người phải trả cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H số tiền 8.763.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí của đương sự; nghĩa vụ chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-9-2018, nguyên đơn bà Trần Thị Bích L làm đơn kháng cáo đối với bản án 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp với lý do:

- 02 máy dầu tưới và 02 giàn máy xịt và tưới, cối xay khô và cối xay tươi là của bà mua vào năm 2017-2018 với giá 70.000.000 đồng, đó là tiền bà đi vay và hàng tháng tính lãi nên bà không cho ông T sử dụng.

- 01 căn nhà gỗ bằng châm đỏ ông T đã bán năm 2014, trong khi đó bà phải nuôi các con ăn học. Ông T bỏ nhà đi từ năm 1999, bà phải nuôi cả gia

đình, khi các con làm ra tiền thì ông T lấy hết. Do đó, ông T phải bồi thường cho tôi trong hôn nhân và ngoài hôn nhân. Căn nhà Tòa án đã chia 24m^2 ở quốc lộ 14 giờ bà đã chuyển vào rẫy là túp lều nên không gọi là nhà được. Vì những lý do đó nên bà L kháng cáo yêu cầu hủy bản án của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Trần Thị Bích L trình bày: bà không chấp nhận việc phân chia tài sản tại văn bản thỏa thuận ngày 29-01-2016, yêu cầu chia lại; đối với 02 máy dầu tưới và 02 giàn máy xịt và tưới, cối xay khô và cối xay tươi là của bà mua vào năm 2017-2018 với giá 70.000.000 đồng và hiện nay bà ở trong túp lều chứ không gọi đó là nhà. Vì vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L, giữ nguyên bản án số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Bích L về việc bà cho rằng giàn máy xịt và tưới, cối xay khô và cối xay tươi là của bà mua vào năm 2017-2018 với giá 70.000.000 đồng, đó là tiền bà đi vay và hàng tháng tính lãi nên bà không cho ông T sử dụng. Xét thấy tài sản gồm 01 máy xịt thuốc sâu, 04 cuộn ống tưới ông T đang quản lý, sử dụng, hai bên đương sự đều không thống nhất được chia bằng hiện vật và ông T có nhu cầu sử dụng. Vì vậy, bà L cho rằng bà mua những tài sản trên với giá 70.000.000 đồng năm 2017-2018 nhưng bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nhu cầu sử dụng của ông T nên đã tuyên giao cho ông T quản lý, sử dụng tài sản đó và buộc ông T trả một nửa giá trị tài sản cho bà L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Bà L cho rằng ông T bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1999 đến năm 2006, bà một mình nuôi các con nên yêu cầu ông T phải bồi thường cho bà. Xét thấy, kết quả xác minh tại địa phương thì ông T có đơn xin tạm vắng trong thời gian từ 199-2004 để đi làm ăn xa, việc ông đi làm ăn xa vẫn trong thời kỳ hôn nhân với bà L, ông T có gửi tiền về nhà không thì địa phương không nắm được. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26-4-2014, không tiến hành tách

riêng cây cối hoa màu trên phần đất của ông T và phần đất của bà L nên khi định giá không định giá riêng cây cối hoa màu riêng trên phần đất của ông T, bà L được. Do đó, bà L yêu cầu chia công sức đóng góp và bồi thường cho bà trong thời kỳ hôn nhân và ngoài hôn nhân là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L yêu cầu giải quyết số nợ trước đây của bà với ông T, Hội đồng xét xử đã giải thích theo quy định của pháp luật, bà L có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-6-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Bích L.

- Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của BLTTDS; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích L đối với ông Ngô Đình T.

1. Về tài sản chung:

1.1 Đối với quyền sử dụng đất: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo văn bản thỏa thuận việc xác nhận và phân chia tài sản chung của vợ, chồng ngày 29-01-2016.

Giao cho ông Ngô Đình T được sử dụng tổng diện tích là 15.024,1m^2 (phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.880,4m^2, tạm giao cho ông T được sử dụng phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.143,7m^2) và sở hữu 01 căn nhà do ông T xây trên đất năm 2014 thuộc thửa đất 115, tờ bản đồ 12 tọa lạc tại thôn 8, xã N, huyện Đ. Thửa đất có

tứ cận: Phía Bắc giáp ông Hứa Viết N dài 288,6m, phía Nam giáp bà L 251m; phía Đông giáp suối dài 67m; Phía Tây giáp đường dài 59,05m.

Giao cho bà Trần Thị Bích L được quyền sử dụng diện tích đất là 14.915,3m^2 (phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10.574,0m^2, tạm giao cho bà Trần Thị Bích L phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.341,3m^2) tọa lạc tại thôn 8, xã N, huyện Đ và toàn bộ cây trồng gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ 12. Thửa đất có tứ cận:Phía Bắc giáp ông T dài 251m, phía Nam giáp ông Đoàn Văn S dài 273,16m; phía Đông giáp suối dài 66,6m; Phía Tây giáp đường dài 59,05m.

1.2 Đối với nhà và các tài sản khác

Chia cho bà Trần Thị Bích L được sử dụng 01 căn nhà tạm khung gỗ, không móng, vách ván gỗ, nền láng xi măng, không trần lợp tôn có diện tích 5x4,3m, xây dựng năm 2008.

Chia cho ông Ngô Đình T các tài sản sau: 01 căn nhà khung cột gỗ, diện tích 6,3x9,2m, không trần, móng nền gạch, mái lợp tôn, nhà làm năm 2002; 01 giếng đào xây gạch; 01 chuồng heo diện tích 6,3x 6,2m; 01 bộ bàn ghế uống nước bằng gỗ hương; 01 tủ quần áo bằng gỗ hương; 01 máy tưới nước; 01 máy xịt thuốc sâu; 04 cuộn ống tưới; 02 cuộn ống mềm; 01 bộ nồi nấu rượu (tất cả những tài sản này ông T đang quản lý, sử dụng). Buộc ông Ngô Đình T phải thanh toán giá trị tài sản chung chênh lệch cho bà L là 35.363.547 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Đình T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bà L theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về nợ chung:

2.1 Buộc ông Ngô Đình T và bà Trần Thị Bích L mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 91.386.212 đồng.

Kể từ ngày 28-8-2018, ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L phải tiếp tục chịu tiền lãi suất đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong khế ước vay tiền số: D187198/KU ngày 02-12-1998.

Kể từ ngày Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà L không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T, bà L còn phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện Đ số tiền lãi suất hai bên thỏa thuận trong khế ước vay tiền số: D187198/KU ngày 02-12-1998 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm thi hành án.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải trả lại cho ông T, bà L tài sản thế chấp khi ông T,

bà L thanh toán xong các khoản nợ trong khế ước vay tiền số: D187198/KU ngày 02-12-1998 cho Ngân hàng.

Đến hạn trả nợ ông T, bà L không thanh toán số tiền gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn- chi nhánh huyện Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2.2 Buộc ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L mỗi người phải trả cho ông Liêu Say H 01 tạ cà phê nhân.

2.3 Buộc ông Ngô Đình T và bà Trần Thị Bích L mỗi người phải trả nợ cho ông Trần Văn H, Nguyễn Thị H số tiền 8.763.000 đồng.

Kể từ ngày ông Liêu Say H, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T, bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho ông H, ông H và bà H theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với ông Ngô Đình T, bà Trần Thị Bích L.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 146, Điều 147 của Bộ luật dân sự; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009.

- Buộc ông Ngô Đình T chịu 15.348.741 đồng và bà Trần Thị Bích L phải chịu 15.269.459 đồng tiền án phí chia tài sản đối với phần giá trị tài sản được chia. Bà L được khấu trừ vào 1.712.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002574 ngày 01-6-2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà L còn phải nộp tiếp 13.557.459 đồng tiền án phí chia tài sản.

Buộc bà Trần Thị Bích L và ông Ngô Đình T mỗi người phải nộp 4.759.310 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Trần Cao Đ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000083 ngày 13-7-2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Đ được nhận lại 3.775.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007118 ngày 25-8-2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Đ được nhận lại 847.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007128 ngày 19-9-2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Liêu Say H được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000089 ngày 18-7-2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị H được nhận lại 438.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002560 ngày 17-5-2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Áp dụng Điều 155, 156, 157, 158 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Ngô Đình T phải hoàn trả 1.750.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản cho bà Trần Thị Bích L. Bà Trần Thị Bích L phải nộp 1.750.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản được khấu trừ vào số tiền 3.500.000 đồng bà L đã nộp, bà L đã nộp xong.

7. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: bà Trần Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0003669 ngày 17-9-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký tên và đóng dấu)

K'Tiêng